

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS TÂN LẬP

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	170001	DƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	27/07/2010	7.4	7.08	6.98	7.28	7.19	3.75	2.75	4.25	0.0	0.0	9.68	
2	170002	ĐẶNG KIM ANH	Nữ	03/10/2010	8.76	8.68	8.26	8.38	8.52	4.75	5.50	4.25	0.0	0.0	12.71	
3	170003	LÊ THỊ MINH ANH	Nữ	10/01/2010	8.81	8.29	8.35	8.33	8.45	4.75	5.25	4.75	0.0	0.0	12.86	
4	170004	VŨ KIM ANH	Nữ	23/08/2010	7.96	7.71	6.89	6.39	7.24	4.75	3.00	3.25	0.0	0.0	9.87	
5	170005	TRƯƠNG GIA BẢO	Nam	17/09/2010	5.13	5.1	5.53	5.21	5.24	3.50	1.75	1.75	0.0	0.0	6.47	
6	170006	VƯƠNG GIA BẢO	Nam	21/10/2010	8.86	9.01	8.68	8.13	8.67	4.75	6.25	5.75	0.0	0.0	14.33	
7	170007	LÊ NGUYỄN NHƯ BÌNH	Nữ	06/04/2010	6.98	6.99	6.3	6.3	6.64	2.00	2.50	4.25	0.0	0.0	8.12	
8	170008	NGÔ HUY CHIN	Nữ	17/12/2010	8.61	8.65	7.74	7.83	8.21	3.50	4.75	5.50	0.0	0.0	12.09	
9	170009	NGUYỄN NGỌC KHÁNH DUY	Nữ	09/09/2010	5.34	6.18	6.29	6.7	6.13	4.75	4.00	2.50	0.0	0.0	9.71	
10	170010	VŨ NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	28/08/2010	8.75	8.03	7.8	7.38	7.99	4.25	6.25	4.75	0.0	0.0	13.07	
11	170011	NGUYỄN MỸ DUYÊN	Nữ	02/12/2010	8.74	8.35	8.25	7.41	8.19	6.25	4.25	3.75	0.0	0.0	12.43	
12	170012	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	01/06/2009	7.2	7.2	5.85	5.86	6.53	2.25	2.75	3.25	0.0	0.0	7.73	
13	170013	VÕ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	21/03/2010	7.94	7.14	6.49	5.88	6.86	3.50	2.25	2.25	0.0	0.0	7.66	
14	170014	BÙI VĂN ĐẠT	Nam	31/05/2010	5.29	5.7	5.18	5.24	5.35	1.00	2.75	3.50	0.0	0.0	6.68	
15	170015	TRẦN TUẤN ĐẠT	Nam	16/09/2010	7.55	6.61	6.08	5.36	6.4	2.50	4.25	2.25	0.0	0.0	8.22	
16	170016	NGUYỄN VĂN ĐỎ	Nam	06/05/2008	8.46	8.15	8.35	8.39	8.34	6.50	4.25	2.50	0.0	0.0	11.78	
17	170017	ĐINH ĐẠI GIA ĐỒNG	Nữ	29/12/2010	8.39	8	8.45	8.3	8.29	5.50	5.75	3.50	0.0	0.0	12.81	
18	170018	HÁCH THỊ QUỲNH GIANG	Nữ	05/09/2010	8.29	8.3	8.25	7.99	8.21	5.50	4.00	4.75	0.0	0.0	12.44	
19	170019	LÊ THỊ CẨM GIANG	Nữ	17/09/2010	6.51	6.49	6.68	6.91	6.65	4.00	5.25	2.75	0.0	0.0	10.40	



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS TÂN LẬP

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
20	170020	ĐOÀN THỊ GIÀU	Nữ	01/03/2010	7	8.2	7.68	7.2	7.52	4.50	2.75	3.50	0.0	0.0	9.78	
21	170021	MAI VĂN GIÀU	Nam	15/08/2010	6.01	6.33	7	6.81	6.54	3.75	2.50	2.00	0.0	0.0	7.74	
22	170022	NGUYỄN ĐỨC GIÀU	Nam	23/02/2010	6.21	5.21	5.09	5.58	5.52	4.75	1.50	2.75	0.0	0.0	7.96	
23	170023	BÙI ĐỨC HẢI	Nam	28/01/2010	8.38	8.31	8.71	8.7	8.53	4.50	6.25	7.00	0.0	0.0	14.98	
24	170024	ĐỖ MINH HẢI	Nam	11/02/2010	7.69	7.46	7.29	6.91	7.34	4.00	2.50	5.25	0.0	0.0	10.43	
25	170025	NGUYỄN TRẦN THU HÂN	Nữ	04/10/2010	8.19	8.21	7.4	7.26	7.77	5.00	5.00	6.25	0.0	0.0	13.71	
26	170026	PHẠM LƯƠNG GIA HÂN	Nữ	07/12/2010	8.63	8.25	7.84	7.18	7.98	4.75	2.75	4.75	0.0	0.0	10.97	
27	170027	TRƯƠNG THANH HIỀN	Nữ	17/03/2010	8.81	8.68	7.7	7.41	8.15	3.75	1.75	5.50	1.0	0.0	11.15	
28	170028	NGUYỄN HOÀI HIẾU	Nam	21/05/2010	6.79	6.59	6.46	6.5	6.59	5.25	4.25	3.25	0.0	0.0	10.90	
29	170029	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	Nam	12/08/2010	7.03	7.34	7.76	8.21	7.59	3.50	6.00	8.00	0.0	0.0	14.53	
30	170030	NGUYỄN THỊ MINH HOÀNG	Nữ	27/12/2010	7.38	6.73	6.71	6.61	6.86	2.50	1.25	3.00	0.0	0.0	6.78	
31	170031	LÊ THÁI HÒA	Nam	22/05/2010	5.73	6.9	6.54	7.01	6.55	4.00	3.50	3.50	0.0	0.0	9.67	
32	170032	NGUYỄN THỊ MỸ HỒNG	Nữ	27/08/2010	6.6	7.09	7.11	7.21	7	4.25	2.00	3.50	0.0	0.0	8.93	
33	170033	VÕ THỊ NGỌC HUỖN	Nữ	04/09/2010	6.54	5.94	5.7	5.74	5.98	3.00	3.75	3.50	0.0	0.0	8.97	
34	170034	LƯƠNG THỊ MỸ HUỖNH	Nữ	14/11/2010	7.64	7.56	8.64	8.43	8.07	4.00	3.75	3.25	0.0	0.0	10.12	
35	170035	NGUYỄN TẤN HÙNG	Nam	24/01/2010	8.8	8.61	8.45	8.65	8.63	6.25	7.00	9.00	0.0	0.0	18.16	
36	170036	TRẦN NGUYỄN MINH HƯƠNG	Nữ	23/04/2010	6.59	7.39	7.18	7.56	7.18	4.25	5.00	2.50	0.0	0.0	10.38	
37	170037	NGUYỄN THÁI HY	Nam	22/02/2010	7.38	7.4	8	8.04	7.71	4.25	7.25	5.00	0.0	0.0	13.86	
38	170038	NGUYỄN AN KHANG	Nam	14/11/2010	5.75	6.88	7.1	7.36	6.77	3.50	4.50	6.00	0.0	0.0	11.83	
39	170039	NGUYỄN LÊ KHANG	Nam	22/02/2010	8.79	8.65	8.99	8.86	8.82	5.75	6.00	7.75	0.0	1.0	17.30	
40	170040	NGUYỄN TRỌNG KHANG	Nam	05/11/2010	8.18	8.25	7.71	7.15	7.82	4.75	6.00	3.00	0.0	0.0	11.97	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS TÂN LẬP

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
41	170041	PHAN PHÚ PHÚC KHANG	Nam	18/03/2010	8.86	8.89	8.69	8.83	8.82	6.00	7.25	7.50	0.0	0.0	17.17	
42	170042	PHÙNG THÁI KHANG	Nam	20/03/2010	5.4	5.58	5.23	4.98	5.3	2.50	0.25	1.75	0.0	0.0	4.74	Liệt
43	170043	TRẦN VĂN KHÁ	Nam	13/07/2010	6.16	7.06	6.89	6.78	6.72	4.75	3.50	3.25	0.0	0.0	10.07	
44	170044	BÙI AN KHIÊM	Nam	06/02/2010	8	7.41	6.9	6.94	7.31	5.00	4.00	4.75	0.0	0.0	11.82	
45	170045	MAI TRẦN AN KỲ	Nữ	11/10/2010	7.65	7.24	6.03	6.18	6.78	4.58	3.25	5.00	0.0	0.0	11.02	
46	170046	NGUYỄN MINH LỄ	Nam	29/03/2010	8.38	8.19	7.76	7.74	8.02	4.75	5.00	6.25	0.0	0.0	13.61	
47	170047	LÊ KHÁNH LINH	Nữ	06/09/2010	6.39	6.39	5.99	6.49	6.32	3.00	0.25	3.25	1.0	0.0	7.45	Liệt
48	170048	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	05/05/2010	7.59	7.74	7.35	6.66	7.34	4.25	3.25	4.00	0.0	0.0	10.25	
49	170049	PHAN THỊ HỒNG LOAN	Nữ	12/04/2010	6.36	6.46	7.16	6.66	6.66	5.00	0.50	2.25	0.0	0.0	7.42	Liệt
50	170050	NGÔ HOÀNG LONG	Nam	14/09/2010	6.44	7.14	7.06	7.08	6.93	6.25	2.50	3.00	0.0	0.0	10.30	
51	170051	LÂM THANH LỘC	Nam	14/09/2010	5.94	5.81	5.81	6.21	5.94	2.75	3.75	4.75	0.0	0.0	9.66	
52	170052	NGÔ MẠNH MINH	Nam	21/10/2010	8.06	7.64	8.04	8.3	8.01	4.75	4.00	5.50	0.0	0.0	12.38	
53	170053	NGUYỄN DƯƠNG THẢO MY	Nữ	12/10/2010	6.64	6.26	6.06	6.41	6.34	5.00	3.75	5.25	0.0	0.0	11.70	
54	170054	HUỖNH KHÁNH NAM	Nam	12/05/2010	8.66	8.24	8.05	8.06	8.25	6.25	5.00	4.50	0.0	0.0	13.50	
55	170055	HUỖNH NHẬT NAM	Nam	08/11/2010	6.98	6.38	6.43	6.89	6.67	4.50	3.75	3.25	0.0	0.0	10.05	
56	170056	TRẦN TRỌNG NAM	Nam	13/01/2010	7.36	7.46	7.7	7.59	7.53	4.25	3.50	3.75	0.0	0.0	10.31	
57	170057	LÝ THỊ THANH NGÂN	Nữ	15/07/2010	5.53	5.36	5.96	5.73	5.65	3.75	4.25	2.75	0.0	0.0	9.22	
58	170058	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	18/01/2010	7.74	6.95	5.66	7.54	6.97	6.00	6.00	4.25	0.0	0.0	13.47	
59	170059	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Nam	11/11/2010	8.9	9.01	8.09	8.1	8.53	3.75	5.25	7.25	0.0	0.0	13.93	
60	170060	VÕ DƯƠNG HIẾU NGHĨA	Nam	29/06/2010	6.21	6.86	7	7.11	6.8	5.75	2.50	3.25	0.0	0.0	10.09	
61	170061	LÊ TRẦN KHÁNH NGỌC	Nữ	13/07/2010	8.95	8.7	8.26	8.35	8.57	3.75	6.50	6.50	0.0	0.0	14.30	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS TÂN LẬP

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
62	170062	NGUYỄN NHƯ NGỌC	Nữ	03/05/2010	6.48	6.58	6.21	5.79	6.27	4.00	2.00	3.00	0.0	0.0	8.18	
63	170063	NGÔ KIM NGUYỄN	Nữ	07/03/2010	7.98	7.88	7.54	7.5	7.73	4.75	6.25	6.25	0.0	0.0	14.39	
64	170064	PHẠM KHÔI NGUYỄN	Nam	23/02/2010	5.71	6.46	7.75	7.46	6.85	5.50	5.75	7.50	0.0	0.0	15.18	
65	170065	TRƯƠNG THỊ NGỌC NHÃ	Nữ	20/09/2010	7.59	7.18	7.11	7.45	7.33	4.25	4.00	2.75	0.0	0.0	9.90	
66	170066	CAO THỊ YẾN NHI	Nữ	01/03/2010	7.33	7	8.01	7.39	7.43	3.50	2.50	3.75	0.0	0.0	9.05	
67	170067	NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	20/10/2010	6.84	7.33	6.58	7.1	6.96	3.75	3.50	4.00	0.0	0.0	9.96	
68	170068	VÕ THỊ NGỌC NHI	Nữ	03/09/2010	7.04	8.1	7.79	7.64	7.64	4.50	6.00	4.00	0.0	0.0	12.44	
69	170069	ĐỖ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/09/2010	6.13	5.91	6.04	5.95	6.01	4.75	2.00	5.00	0.0	0.0	10.03	
70	170070	LÊ THỤY TÂM NHƯ	Nữ	10/07/2010	7.55	6.74	6.06	6.23	6.65	3.50	1.25	3.50	0.0	0.0	7.77	
71	170071	NGUYỄN TÂN NHỰT	Nam	16/10/2010	7.14	7.81	7.75	7.96	7.67	5.25	6.25	2.50	0.0	0.0	12.10	
72	170072	NGUYỄN PHƯƠNG OANH	Nữ	26/07/2010	8.21	7.94	8.69	8.33	8.29	7.25	6.50	3.75	0.0	0.0	14.74	
73	170073	KIM ĐÌNH PHONG	Nam	18/07/2010	7.55	8.04	6.45	6.35	7.1	3.50	6.00	2.50	0.0	0.0	10.53	
74	170074	LÊ DUY PHÚC	Nam	23/11/2010	5.14	6.43	6.08	6.31	5.99	4.75	3.00	2.75	1.0	0.0	10.15	
75	170075	LÊ THỊ HOÀI PHƯƠNG	Nữ	28/01/2010	8.89	8.75	8.51	8.38	8.63	6.75	4.25	6.00	0.0	0.0	14.49	
76	170076	LƯƠNG THỊ MỸ PHƯỢNG	Nữ	28/04/2010	7.34	7.49	8.59	8.5	7.98	4.25	2.50	3.00	0.0	0.0	9.22	
77	170077	CHÂU LÊ CẨM QUỲNH	Nữ	15/02/2010	6.04	5.76	7.4	7.18	6.6	3.50	2.25	2.50	0.0	0.0	7.76	
78	170078	HÔNG THỊ QUỲNH	Nữ	15/09/2010	7.95	7.48	7.33	7.61	7.59	7.25	4.00	3.50	0.0	0.0	12.60	
79	170079	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	02/10/2010	5.98	5.59	5.78	5.9	5.81	5.25	1.75	3.00	0.0	0.0	8.74	
80	170080	LÊ HOÀI THANH	Nam	01/12/2010	5.41	6.01	5.74	5.05	5.55	2.00	3.00	1.25	0.0	0.0	6.04	
81	170081	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Nam	20/05/2010	6.94	7.04	6.45	6.85	6.82	6.25	4.75	5.50	0.0	0.0	13.60	
82	170082	TRẦN NGỌC THÁI	Nam	27/02/2010	5.71	6.45	6.96	6.39	6.38	4.25	2.75	5.00	0.0	0.0	10.31	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS TÂN LẬP

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
83	170083	LÊ HOÀNG ĐỨC THẮNG	Nam	25/05/2010	8.61	8.39	8.64	8.96	8.65	6.50	7.75	7.25	0.0	1.5	19.15	
84	170084	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	11/04/2010	5.26	5.59	5.4	5.96	5.55	5.00	2.75	3.25	0.0	0.0	9.37	
85	170085	PHÙNG NGỌC BẢO THI	Nữ	05/10/2010	6.06	6.11	5.88	6.13	6.05	5.00	3.50	3.00	0.0	0.0	9.87	
86	170086	BÙI NGUYỄN THU THỦY	Nữ	10/11/2009	6.35	6.65	5.9	6.01	6.23	3.50	2.00	2.25	0.0	0.0	7.29	
87	170087	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	Nữ	08/06/2010	6.29	5.94	6.06	6.06	6.09	2.00	2.50	1.75	0.0	0.0	6.20	
88	170088	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	30/06/2010	7.4	7.08	6.46	6.29	6.81	4.75	5.25	3.75	0.0	0.0	11.67	
89	170089	NGUYỄN QUỲNH ANH THƯ	Nữ	27/12/2010	6.3	6.01	6.51	7.21	6.51	6.50	4.25	3.25	0.0	0.0	11.75	
90	170090	PHẠM ANH THƯ	Nữ	22/04/2010	7.94	7.28	6.55	7.21	7.25	4.00	4.25	3.50	0.0	0.0	10.40	
91	170091	TRẦN HUỲNH ANH THƯ	Nữ	28/11/2010	6.65	6.28	5.6	6.38	6.23	3.75	3.25	4.50	0.0	0.0	9.92	
92	170092	ĐOÀN THỊ CẨM TIỀN	Nữ	07/12/2010	7.39	7.21	6.46	6.88	6.99	4.75	4.50	3.00	0.0	0.0	10.67	
93	170093	NGUYỄN THỊ KIỀU TIỀN	Nữ	24/02/2010	7.04	6.63	5.63	5.93	6.31	3.25	2.50	3.50	0.0	0.0	8.37	
94	170094	TRẦN THỊ TRIỀU TIỀN	Nữ	15/10/2010	5.9	6.24	5.81	5.78	5.93	5.25	3.00	2.50	0.0	0.0	9.30	
95	170095	PHẠM HOÀNG TIẾN	Nam	20/10/2010	8.59	8.15	8.13	8.26	8.28	5.50	4.00	7.50	0.0	0.0	14.38	
96	170096	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	05/01/2010	7.61	7.35	6.79	7.4	7.29	6.75	3.25	3.25	0.0	0.0	11.46	
97	170097	NGUYỄN ĐỖ MINH TRANG	Nữ	06/03/2010	8.86	9.06	8.73	8.68	8.83	5.25	5.50	8.00	0.0	0.0	15.77	
98	170098	BÙI THANH BẢO TRÂN	Nữ	05/01/2010	8.2	7.89	7.39	7.06	7.64	1.75	3.25	3.75	0.0	0.0	8.42	
99	170099	LÊ HOÀI BẢO TRÂN	Nữ	03/05/2010	8.25	8.65	8.28	8.36	8.39	6.75	5.50	5.00	0.0	0.0	14.59	
100	170100	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	19/09/2010	7.46	7.01	6.9	8.15	7.38	6.75	5.75	2.50	1.0	0.0	13.71	
101	170101	NGUYỄN NHẬT TRIỀU	Nam	29/11/2010	6.2	6.03	5.63	6.33	6.05	3.50	5.25	3.50	0.0	0.0	10.39	
102	170102	NGUYỄN THỊ MỸ TRINH	Nữ	23/06/2010	6.9	7.94	7.66	6.56	7.27	4.25	2.75	4.25	0.0	0.0	10.06	
103	170103	LÂM ĐỨC TRỌNG	Nam	22/05/2010	5.3	5.15	5.39	5.31	5.29	2.25	1.75	3.00	0.0	0.0	6.49	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS TÂN LẬP

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
104	170104	HUỲNH THỊ THANH TRÚC	Nữ	06/01/2010	8.89	8.63	9.13	8.95	8.9	4.25	3.50	3.75	0.0	0.0	10.72	
105	170105	HUỲNH THỦY TRÚC	Nữ	16/05/2010	5.9	6.6	6.25	5.98	6.18	3.50	2.25	3.00	0.0	0.0	7.98	
106	170106	NGUYỄN THỦY TRÚC	Nữ	02/04/2010	6.01	6.09	5.43	5.48	5.75	3.50	0.50	1.75	0.0	0.0	5.75	Liệt
107	170107	NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC	Nữ	21/01/2010	8.38	7.38	8.61	7.73	8.03	1.75	3.50	3.25	0.0	0.0	8.36	
108	170108	TRẦN THỊ ĐIỂM TRÚC	Nữ	14/09/2010	6.94	7.06	6.61	6.5	6.78	5.25	2.00	3.75	0.0	0.0	9.73	
109	170109	KIM ANH TUẤN	Nam	17/07/2008	8.13	8.48	8.6	8.3	8.38	5.67	4.50	2.25	0.0	0.0	11.21	
110	170110	PHAN MINH TUẤN	Nam	28/03/2010	6.89	6.71	6.18	6.14	6.48	3.25	2.25	3.00	0.0	0.0	7.89	
111	170111	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYẾT	Nữ	30/06/2010	7.04	6.55	7.49	8.01	7.27	3.75	2.50	3.00	0.0	0.0	8.66	
112	170112	NGUYỄN QUỐC TÙNG	Nam	09/05/2010	8.05	7.73	7.61	7.36	7.69	5.00	6.00	4.75	0.0	0.0	13.33	
113	170113	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	13/02/2010	6.59	6.63	6.46	5.83	6.38	2.25	1.00	3.00	0.0	0.0	6.29	
114	170114	PHAN MINH TÚ	Nam	22/10/2010	5.03	6.06	5.58	5.65	5.58	1.50	0.25	1.50	0.0	0.0	3.95	Liệt
115	170115	NGÔ GIA TƯỜNG	Nam	15/01/2010	6.98	6.61	7.16	7.15	6.98	4.00	5.25	3.25	0.0	0.0	10.84	
116	170116	NGUYỄN NGỌC THẢO UYÊN	Nữ	18/07/2010	7.05	7.46	7.56	7.91	7.5	5.00	6.50	4.25	0.0	0.0	13.28	
117	170117	TRƯƠNG THỤY NHÃ UYÊN	Nữ	27/01/2010	6.98	6.98	7.39	7.5	7.21	7.25	4.75	4.25	0.0	0.0	13.54	
118	170118	CHUNG DIỄM VÂN	Nam	01/12/2010	5.89	6.19	6.59	6.43	6.28	4.50	4.75	4.25	0.0	0.0	11.33	
119	170119	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VI	Nữ	06/12/2010	6.73	7.19	6.53	7	6.86	5.25	4.25	4.75	0.0	0.0	12.03	
120	170120	NGÔ TẤN VŨ	Nam	16/08/2010	5.39	5.78	5.75	7.49	6.1	3.25	4.25	3.00	0.0	0.0	9.18	
121	170121	BÙI QUANG VƯƠNG	Nam	17/08/2010	7.36	7.58	7.53	7.36	7.46	5.00	4.00	4.75	0.0	0.0	11.86	
122	170122	BÙI NGUYỄN TRIỆU VY	Nữ	04/02/2010	7.83	5.91	5.73	5.94	6.35	3.50	3.50	4.75	0.0	0.0	10.13	
123	170123	LÊ THẢO VY	Nữ	04/09/2010	7.36	6.46	6.1	6.84	6.69	6.25	1.50	3.00	0.0	0.0	9.53	
124	170124	PHẠM HOÀNG TƯỜNG VY	Nữ	04/01/2010	7.83	7.53	6.8	6.85	7.25	7.00	5.50	4.00	0.0	0.0	13.73	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS TÂN LẬP

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
125	170125	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	25/02/2010	7.93	6.98	6.2	6.61	6.93	4.50	4.00	3.25	0.0	0.0	10.30	
126	170126	CAO THANH XUÂN	Nữ	12/02/2010	7.04	7.19	7.09	7.21	7.13	4.50	5.50	2.50	0.0	0.0	10.89	
127	170127	LÂM KIM XUYỀN	Nữ	02/07/2010	8.05	8.19	7.36	7.31	7.73	4.75	5.75	3.25	0.0	0.0	11.94	
128	170128	ĐẶNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	22/01/2010	6.26	5.24	5.04	5.66	5.55	4.25	2.25	3.25	0.0	0.0	8.49	
129	170129	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	24/04/2010	7.29	7.54	7.31	8.38	7.63	4.50	5.00	4.50	0.0	0.0	12.09	
130	170130	NGUYỄN THỊ NHÃ Ý	Nữ	20/05/2010	7.14	8.08	7.8	7.89	7.73	6.50	6.50	4.00	0.0	0.0	14.22	
131	170131	TRẦN NHƯ Ý	Nữ	22/06/2010	7.23	7.24	6.46	7.09	7.01	3.75	5.00	3.00	0.0	0.0	10.33	
132	170132	VÕ HỒ NHƯ Ý	Nữ	01/07/2010	7.05	6.91	5.73	6.03	6.43	4.75	1.75	3.25	0.0	0.0	8.75	

Danh sách này có 132 thí sinh/

Cán bộ in



Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm



Võ Thùy Trang

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng